

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HS-ST.

Ngày: 11-4-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Tùng

2. Ông Huỳnh Minh Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 16/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 30/3/2018 đối với:

Bị cáo: Kiều Hoàng U, sinh ngày 21/4/1991.

Đăng ký thường trú: ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 1/12; Con ông: Kiều Hoàng K, sinh năm 1972 (sống); Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1970 (sống); Bị cáo có 03 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1996. Bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2018 cho đến nay. (có mặt)

- Bị hại: Lâm Ngọc H; Sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Nguyễn Tấn Trúc Ng; Sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Sơn Ngọc M, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Đường N, khóm N, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Trần Tấn Ph, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số 625/2, đường B, khóm N phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 28/4/2016, U và Bùi Thị Yến L đang ở nhà trọ của U ở ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng thì Nguyễn Tấn Trúc Ng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P2-019.59, nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh (xe do Nguyễn Tấn Trúc Ph đứng tên sở hữu) chở Sơn Ngọc M đến nhà trọ của U chơi. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, M nói “tới giờ rồi” thì tất cả hiểu là đi trộm tài sản và đồng ý. Lúc này, U điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-185.44, nhãn hiệu Max, màu trắng xám chở L; Ng điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83P2-019.59, nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh chở M chạy về hướng huyện T. Khi chạy đến ngã ba T, huyện T thì cả nhóm rẽ phải chạy về hướng thị xã V. Chạy được một đoạn khoảng 06km, cả nhóm rẽ vào đường đi vào Ủy ban nhân dân xã T nhưng không phát hiện có tài sản để trộm cắp nên cả nhóm quay ngược trở ra. Khi chạy qua Ủy ban nhân dân xã T khoảng 100m, M phát hiện bên trái có một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Wave (Trung Quốc), biển kiểm soát 83F7-1143, màu sơn đỏ của Lâm Ngọc H đậu trước nhà không ai trông coi nên cả nhóm dừng xe lại. Lúc này, Ng và L ngồi trên xe đơi, còn U và M vào trong lấy trộm xe. M đi đến chỗ chiếc xe 83F7-1143, còn U đi vào trong nhà lấy một bóp da nam màu cà phê sữa để trên đầu tủ thờ (bên trong có hai giấy chứng minh nhân dân, một giấy phép lái xe, một giấy đăng ký xe, một thẻ bảo hiểm y tế, không có tiền) và một điện thoại di động loại phím bấm, hiệu Viettel màu đỏ để vào trong túi quần rồi đi lại chỗ M để lấy trộm xe. U cầm tay lái, M phía sau dùng tay đẩy xe 83F7-1143 ra chỗ Ng và L. Lúc này, Ng dùng tay bứt dây điện ổ khóa, U khởi động máy và điều khiển chiếc xe 83F7-1143, Ng điều khiển xe mô tô 83P2-019.59, M điều khiển xe Max chở L. Khi chạy đến cây xăng L Th thì M qua điều khiển xe 83F7-1143, Ng tiếp tục điều khiển xe mô tô 83P2-019.59, U điều khiển xe Max chở L cùng chạy đến nhà Trần Tấn Ph (Ph Bin) ngụ khóm N, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nhờ Ph bán xe mô tô 83F7-1143 nhưng Ph nói “xe cũ quá không bán được, nếu bán chỉ được vài trăm ngàn” thì U nói “được vài trăm ngàn cũng bán” nên Ph chạy đi tìm người bán. Ph chạy xe mô tô 83F7-1143 đến đầu chợ cá của phường C, thành phố S thì gặp một người thanh niên lạ mặt (Ph không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) và bán xe cho người thanh niên đó với giá 800.000đồng. Lúc này, Ph điện thoại cho M và U chạy lại chỗ Ph lấy tiền. U kêu M đưa lại cho Ph 100.000đồng uống cà phê và U chia cho M 200.000đ, số tiền còn lại U giữ để cả nhóm tiêu xài chung.

Sau khi nhận được tin báo về vụ việc, cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, truy tìm vật chứng, trưng cầu giám định và tiến hành lấy lời khai của những người có liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Kiều Hoàng U thống nhất với kết luận giám định. Bị cáo U khai nhận bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích đến ngày 28/4/2016 bị cáo tiếp tục có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở lấy trộm một chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE Trung

Quốc, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 83F7-1143 của bị hại Lâm Ngọc H có giá trị là 525.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị hại Lâm Ngọc H thống nhất với kết luận giám định. Ông H xác định vào đêm 28/4/2016 ông đậu chiếc xe biển kiểm soát 83F7-1143, màu sơn đỏ trước nhà nhưng khi ngủ dậy thì phát hiện bị mất trộm nên ông đi báo công an xã để tìm tài sản. Sau đó ông H làm đơn không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự và không yêu cầu bồi thường do giá trị xe không lớn.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Tấn Trúc Ng, Sơn Ngọc M khai vào tối ngày 28/4/2016 có cùng bị cáo U thực hiện hành vi lấy trộm chiếc xe của ông H. Đối với Trần Tấn Ph thì khai nhận có thực hiện bán chiếc xe biển kiểm soát 83F7-1143 dùm bị cáo U nhưng Ph không biết chiếc xe nêu trên do bị cáo trộm được.

Tại Cáo trạng số 04/QĐ-KSĐT ngày 15/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để xét xử đối với Kiều Hoàng U về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề luận tội đối với bị cáo Kiều Hoàng U, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Kiều Hoàng U phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm g, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 và Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt Kiều Hoàng U từ 06 tháng đến 12 tháng tù, đồng thời tổng hợp hình phạt tù mà bị cáo đang chấp hành theo Bản án số 24/2017/HSST, ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và buộc bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính 800.000 đồng, án phí của vụ án.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo Kiều Hoàng U xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trần Đề, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt

của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Bị cáo Kiều Hoàng U đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trước đây của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

[4] Bị cáo Kiều Hoàng U là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích đến ngày 28/4/2016 bị cáo tiếp tục có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở lấy trộm một chiếc xe mô tô nhãn hiệu WAVE Trung Quốc, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 83F7-1143 của bị hại Lâm Ngọc H có giá trị là 525.000 đồng. Do đó, hành vi do của bị cáo Kiều Hoàng U thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại trái pháp luật đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân, đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, phạm vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Kiều Hoàng U phạm tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

[5] Tội phạm do bị cáo Kiều Hoàng U thực hiện không những xâm hại đến tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an toàn xã hội. Với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án tù nghiêm khắc đối với bị cáo, để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc bị cáo U trước khi phạm tội không có tiền sự; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội gây thiệt hại không lớn và có bà nội là người có công với cách mạng. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo, để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[7] Về xử lý vật chứng: đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 83F7-1143, nhãn hiệu WAVE Trung Quốc, màu sơn đỏ; một bóp da nam màu cà phê sữa đề trên đầu tử thờ (bên trong có hai giấy chứng minh nhân dân, một giấy phép lái xe, một giấy đăng ký xe, một thẻ bảo hiểm y tế, không có tiền) và một điện thoại di động loại phím bấm, hiệu Viettel màu đỏ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Đề không thu giữ được nên không đặt ra xem xét; Đối với xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-185.44, nhãn hiệu Max, màu trắng xám do Kiều Hoàng U sở hữu dùng làm phương tiện thực hiện tội phạm đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tịch thu sung quỹ nhà nước nên không

đặt ra xem xét; Đối với xe mô tô biển kiểm soát 83P2-019.59, nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh được dùng làm phương tiện để cùng bị cáo thực hiện tội phạm do ông Nguyễn Tấn Trúc Ph (cha ruột bị can Nguyễn Tấn Trúc Ng) đứng tên sở hữu. Ng khai ông Ph không biết gì về việc Ng sử dụng chiếc xe nói trên đi trộm tài sản. Hiện nay, ông Ph đang sử dụng xe 83P2-019.59 đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không rõ địa chỉ cụ thể nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Đề chưa làm việc được.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Lâm Ngọc H không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị thiệt hại và không yêu cầu bồi thường khoản nào khác nên không đặt ra xem xét.

[9] Đối với số tiền thu lợi bất chính: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận là sau khi bán xe vừa trộm được 800.000 đồng Ph đưa cho bị cáo. Do đó, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền nêu trên để sung quỹ nhà nước.

[10] Đối với Nguyễn Tấn Trúc Ng, Sơn Ngọc M, Bùi Thị Yến L không có tiền án tiền sự; giá trị chiếc xe qua định giá là 525.000 đồng; Bùi Thị Yến L tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp chưa đủ 16 tuổi nên Ng, M, L không phải chịu trách nhiệm hình sự. Đối với Trần Tấn Ph có giúp bị cáo tìm người bán xe nhưng Ph không biết tài sản trên do bị cáo trộm cắp mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[11] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Kiều Hoàng U chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm g, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 và Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

* Tuyên bố bị cáo Kiều Hoàng U phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

* Xử phạt bị cáo Kiều Hoàng U 09 (chín) tháng tù, Tổng hợp hình phạt của Bản án số 24/2017/HSST, ngày 07/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng là 02 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 bản án là 03 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/01/2018 nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo chấp hành trước đó từ ngày 22/02/2017 đến ngày 02/01/2018.

* Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Đề không thu giữ được nên không đặt ra xem xét

* Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo nộp lại 800.000 đồng số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

* Về bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

* Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Kiều Hoàng U chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

* Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào các điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Công an huyện Trần Đề;
- (cơ quan CSĐT; bộ phận HSNVCS; Cơ quan THAHS; Nhà tạm giữ);
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Lưu (HSVA & TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Công Minh